

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 30/12/2020

“V/v Tranh chấp về Thừa kế tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các hội thẩm dân nhân: Ông Nguyễn Văn Tuấn; Ông Nguyễn Tùng Sơn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 28/8/2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 15/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961.(Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1959. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Đăng S, sinh năm 1987. (Có đơn xin vắng mặt).
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999. (Có đơn xin vắng mặt).

Các đương sự đều có HKTT: Thôn V, xã R, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bố bà là Nguyễn Huy P và mẹ là Nguyễn Thị U. Bố mẹ bà sinh được hai người con là ông Nguyễn Huy H và bà. Ông P và bà U không có con nuôi.

Năm 2003 ông P mất, năm 2014 bà U mất. Khi mất không để lại di chúc. Tài sản để lại là thửa đất số 680, tờ bản đồ số 04 diện tích 240m² tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Theo như thông báo của xã K và kết quả đo đạc bản đồ địa chính năm 2002 và đo đạc lại năm 2019 thì thửa đất này nay được xác định là thửa số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m². Đất đã được Nhà nước cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Huy P vào năm 2000. Hiện nay bà đang cầm giấy chứng nhận, trong giấy chứng nhận diện tích đất là 240m² nhưng diện tích thực tế sử dụng chỉ có 210m².

Khi ông P còn sống, chỉ có bà và hai con bà là anh S và chị H sống cùng ông, trên đất có 02 gian nhà cũ nát. Sau khi ông P mất, bà phá nhà cũ, làm nhà và xây dựng công trình phụ trên đất. Con trai bà là Trần Đăng S đóng góp công sức xây dựng cùng bà. Bà nhiều lần bàn với anh trai là ông H xin được đứng tên sử dụng thửa đất này nhưng ông H không đồng ý, do vậy bà khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với nhà và công trình phụ trên đất là do bà tự làm nên bà xin được sử dụng phần diện tích đất có nhà ở. Đối với phần công, tường bao quanh và sân gạch nằm trên phần đất nếu ông H được chia bà không yêu cầu ông H phải bồi thường giá trị.

Về án phí: Bà tham gia hội người cao tuổi, có hoàn cảnh khó khăn, đang điều trị bệnh hiểm nghèo, sống một mình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đề nghị Tòa án xem xét.

Phía bị đơn ông Nguyễn Huy H trình bày: Ông xác nhận lời khai của bà M về quan hệ huyết thống, thời gian bố mẹ ông chết và nhà đất là của bố mẹ ông để lại trước khi chết. Tuy nhiên đối với diện tích đất bà M yêu cầu chia thừa kế, ông xác định đất này là của các cụ để lại cho bố ông và để làm nơi thờ cúng trong họ. Đất đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông là Nguyễn Huy P vào năm 2000. Bà M là con gái, đã đi lấy chồng phải theo phận nhà chồng nên không có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản mà bố mẹ ông để lại, nếu bà M ở ông đồng ý để bà M được ở và sinh sống trên đất và có thể sửa chữa và thực tế bà M cũng đã sửa chữa nhà. Còn việc bà M yêu cầu chia thừa kế, quan điểm là ông không đồng ý. Ông xác định ông và các thành viên trong gia đình không sử dụng và đóng góp bất kỳ tài sản hay công sức gì trong việc tôn tạo, duy trì và làm tăng giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Ông khẳng định đất là của cha ông để lại cho bố mẹ ông làm nơi thờ cúng nhưng ông không có tài liệu để chứng minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đăng S vắng mặt tại phiên tòa, trong lời khai tại Tòa án anh xác định lời khai như mẹ ông là bà Nguyễn Thị M trình bày là đúng. Nay bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, quan điểm của ông là trước đây trên đất có phần nhà ranh của ông ngoại để lại, anh và mẹ đã phá đi để xây lại nhà trên đất. Việc làm nhà và xây công trình phụ có công sức đóng góp của anh và mẹ anh, tuy nhiên anh không yêu cầu trích chia công sức hay hưởng bất kỳ phần quyền lợi nào, phần của anh, mẹ anh được toàn quyền sử dụng và quyết định. Anh xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải cũng như xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H xác định chị là con gái bà M, khi mẹ và anh S sửa chữa nhà, chị còn nhỏ và không có công sức đóng góp gì đối với việc xây dựng tài sản trên thửa đất tranh chấp. Chị không có yêu cầu

hay đề nghị gì. Chỉ đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết và xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải cũng như xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế và xin được sử dụng toàn bộ tài sản trên đất trên diện tích đất thuộc thửa đất số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m² tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Ông Nguyễn Huy H giữ nguyên lời trình bày, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Huy P để lại là thửa đất số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m² tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Ông H, bà M mỗi người được 210m² : 2 = 105m².

Chia cho bà Nguyễn Thị M được sử dụng 105m² đất, trên đất có phần nhà và công trình phụ bà M đang sử dụng và chia cho ông H 105m² đất còn lại. Đối với công trình xây dựng trên phần đất chia cho ông H, bà M không có yêu cầu ông Hoàn phải thanh toán giá trị. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

Các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Di sản thừa kế là thửa đất **số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m²** tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Nguyên đơn, Bị đơn đều có hộ khẩu tại xã K nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gia Bình giải quyết yêu cầu chia thừa kế là đúng thẩm quyền theo Điều a, Khoản 1 Điều 35 và Điều c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tại Tòa án đề nghị giải quyết chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Huy P, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M nhận thấy:

- Thời điểm mở thừa kế: Theo Khoản 1 Điều 611 Bộ luật Dân sự, cụ Nguyễn Huy P mất ngày 25/8/2003, cụ Nguyễn Thị U mất năm 2014. Thời điểm mở thừa kế là năm 2003.

- Thời hiệu thừa kế: Thời hiệu yêu cầu chia thừa kế là 30 năm đối với bất động sản. Ngày 13/7/2020 bà Nguyễn Thị M nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu chia thừa kế quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn xác nhận cụ Nguyễn Huy P và cụ Nguyễn Thị U chết không để lại di chúc. Bị đơn cho rằng di sản thừa kế là của các cụ để làm nơi thờ cúng nhưng không có tài liệu chứng minh nên Tòa án căn cứ Điều 660 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật.

- Hàng thừa kế theo pháp luật: Căn cứ lời khai nguyên bị đơn xác định cụ P và cụ U không có con riêng, không có con nuôi. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 651 BLDS thì hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ gồm các con đẻ của cụ là ông Nguyễn Huy H và bà Nguyễn Thị M.

Vì vậy bà M có yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ P được chấp nhận theo các Điều 609, 613, 649, 650, 660 Bộ luật Dân sự. Do vậy ông Nguyễn Huy H không đồng ý chia thừa kế vì cho rằng thừa đất tranh chấp là tài sản và để làm nơi thờ cúng là không có căn cứ.

- Xác định di sản thừa kế: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến bị đơn xác định tại thời điểm cụ P và cụ U có di sản gồm: Thừa đất số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m² tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Theo kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 11/12/2020, Thừa đất số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m², tại Thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh trị giá 1.890.000.000 đồng và tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 loại 4 xây dựng năm 2010, diện tích xây dựng 59,95m² giá trị còn lại là 46.221.000 đồng.

Bếp xây dựng năm 1997 số diện tích 13,12m² đã hết giá trị sử dụng.

Nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước xây dựng năm 2012 có kích thước 10,81m² giá trị còn lại là 5.998.000 đồng.

Sàn lát gạch đỏ làm năm 2010 có diện tích 81,89m² giá trị còn lại là 6.223.000 đồng.

Tường rào, cổng sắt và tường rào phía Nam có diện tích xây dựng 33,3m² hết giá trị khấu hao.

Bà M xác định toàn bộ tài sản trên đất là do bà và con trai Nguyễn Đăng S xây dựng, tài sản của ông P và cụ U chỉ có thừa đất. Ông H đồng ý với quan điểm trên. Do vậy, Di sản thừa kế trị giá là: 1.890.000.000 đồng.

- Các nghĩa vụ về tài sản và các chi phí liên quan đến thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn xác định không nợ ai, không còn khoản nào chưa thanh toán.

Công sức cải tạo, quản lý di sản: Lời khai nguyên đơn cùng những người liên quan xác định có công sức duy trì sửa chữa và xây dựng toàn bộ công trình hiện có trên đất. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đăng S không yêu cầu trích chia công sức và cho bà M được sử dụng toàn bộ tài sản trên đất.

Ông Nguyễn Huy H xác định không cải tạo, xây dựng và không có bất kỳ công sức gì đối với di sản của cụ P để lại.

Theo quy định Khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau. Phân chia di sản thừa kế của cụ P cho mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng như sau:

Phân chia hiện vật như sau: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành hạn mức giao đất ở, diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thì thửa đất số **965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m² tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình** đủ điều kiện để tách thửa.

Tại phiên tòa bà M xin được sử dụng phần diện tích đất có nhà. Xét thấy, M đã và đang sinh sống ổn định tại nhà đất nêu trên, tự xây dựng tài sản trên đất và bà có yêu cầu được chia phần đất có tài sản do bà xây dựng. Ông Nguyễn Huy H cùng vợ con sinh sống và làm ăn trên diện tích đất khác. Nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự và phù hợp với hoàn cảnh thực tế cần chia cho bà Nguyễn Thị M phần đất có tài sản trên đất là nhà cấp 4 và phân chia cho ông H được sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất.

Đối với thửa đất **965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m²**, phần diện tích đo đạc thực tế theo biên bản thẩm định, hồ sơ thửa đất hiện còn 210 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông H, bà M mỗi người được $210\text{m}^2 : 2 = 105\text{m}^2$.

Việc phân chia cụ thể như sau: Chia cho bà Nguyễn Thị M được sử dụng 105m² đất, trên đất có phần nhà và công trình phụ bà M đang sử dụng và chia cho ông H 105m² đất còn lại. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Đối với công trình xây dựng trên phần đất chia cho ông H, bà M không có yêu cầu ông Hoàn phải thanh toán giá trị. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định pháp luật cần chấp nhận.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

[3] Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Các đương sự mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng. Xác nhận bà M đã nộp 3.000.000 đồng. Ông Nguyễn Huy H phải có nghĩa vụ trả cho bà M 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với phần giá trị được hưởng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên xét thấy ông Nguyễn Huy thuộc đối tượng người cao tuổi, bà M có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hết tuổi lao động và đang điều trị bệnh hiểm nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản thừa kế chỉ sử dụng để ở nên cần miễn án phí DSST cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị M.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Huy P và cụ Nguyễn Thị U để lại là thửa đất số 965 tờ bản đồ 28 có diện tích 210m² tại thôn N, xã K, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Chia cho bà Nguyễn Thị M được sử dụng phần đất có diện tích 105m² trên đất có nhà 1 tầng và công trình phụ, bể nước. Cụ thể: Hướng Tây giáp ngõ của xóm có chiều dài 6,29m; Hướng Đông giáp nhà ông Phạm Ích H có chiều dài 7,44m; Hướng Nam giáp phần đất chia cho ông H; Hướng Bắc giáp nhà ông Nguyễn Huy Đ có chiều dài 15,18m.

Chia cho ông Nguyễn Huy H 105m² đất còn lại. Cụ thể: Hướng Tây giáp Ngõ xóm có chiều dài 6,29m; Hướng Đông giáp nhà ông Phạm Ích H có chiều dài 6,53m; Hướng Nam giáp nhà ông H có các cạnh dài 4,87m, 4,35m, giáp nhà ông Triển có cạnh dài 7,16m; Hướng Bắc giáp phần đất chia cho bà M. (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh sang tên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Huy H mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng. Ông Nguyễn Huy H có trách nhiệm trả cho bà M 1.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Huy H.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng tại biên lai thu số AA/2015/0001882 ngày 21/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương